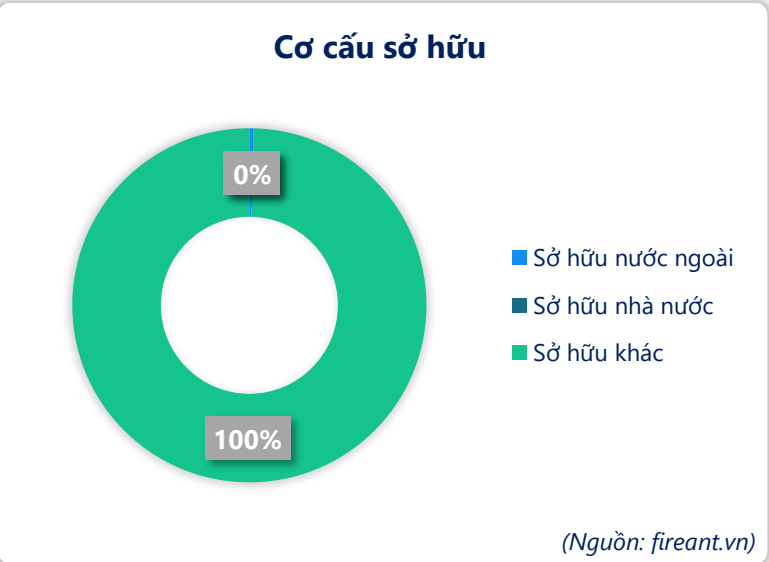
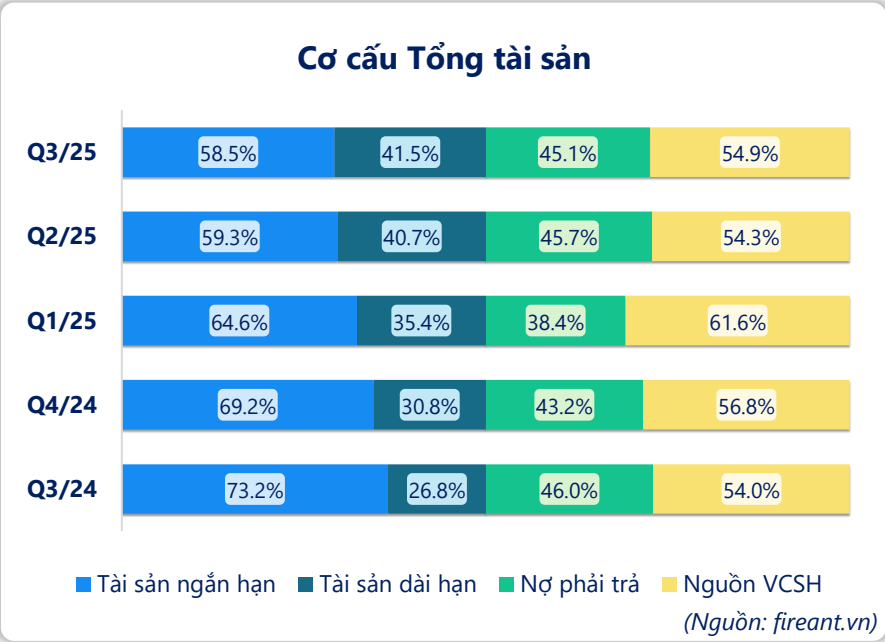
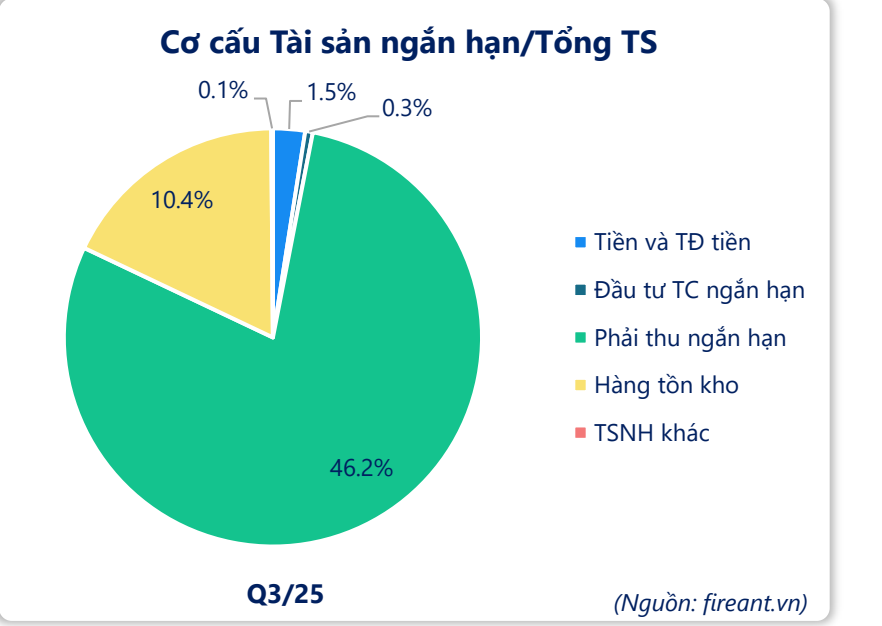
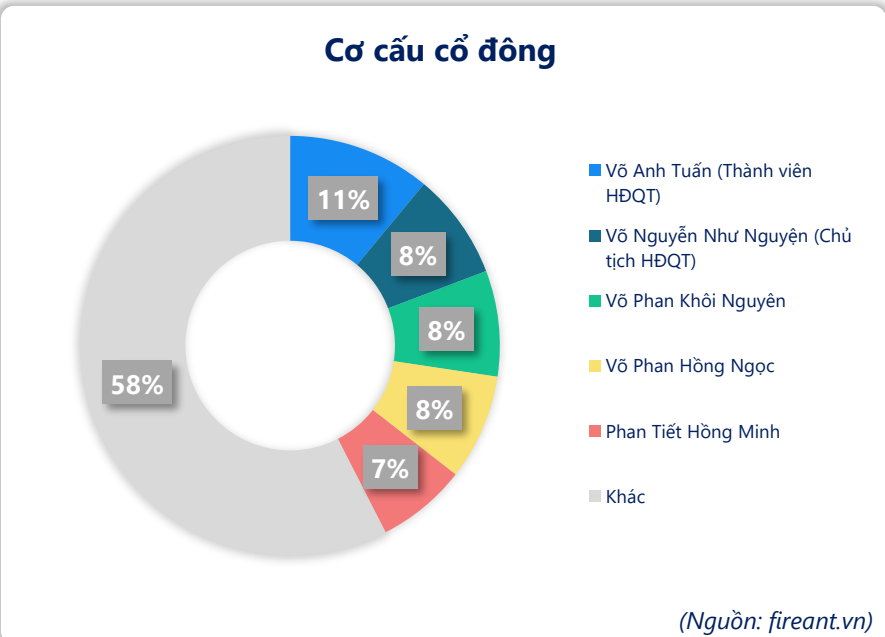
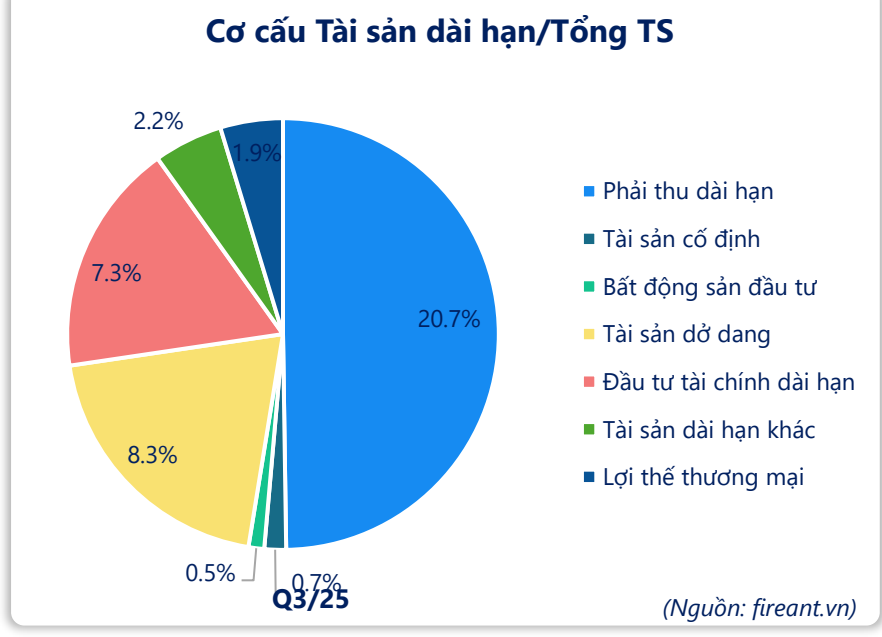
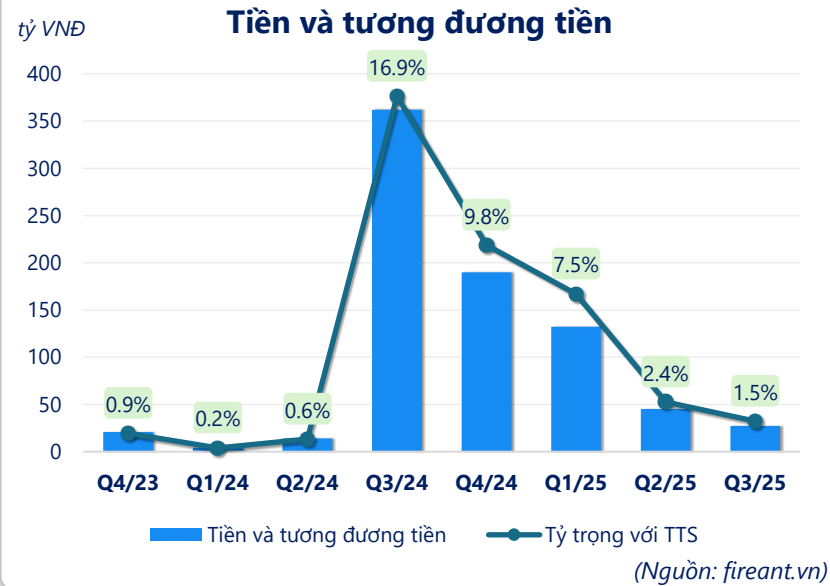
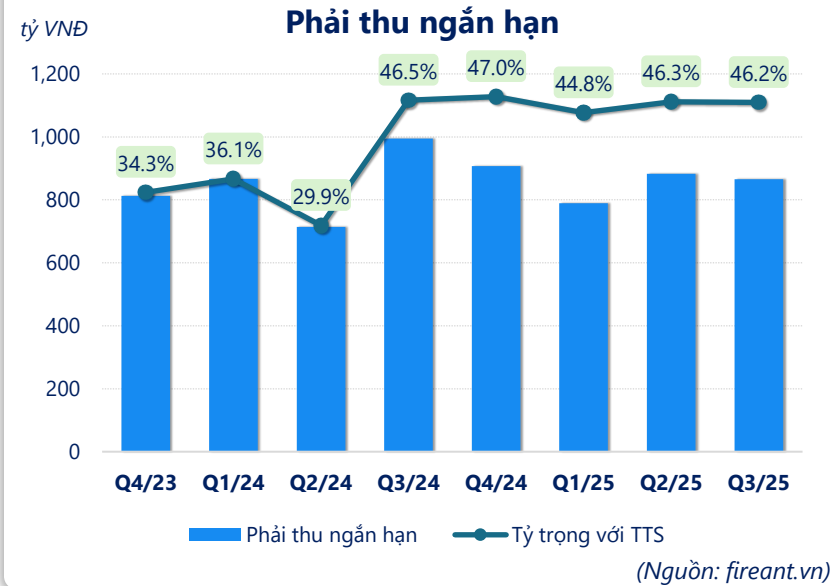
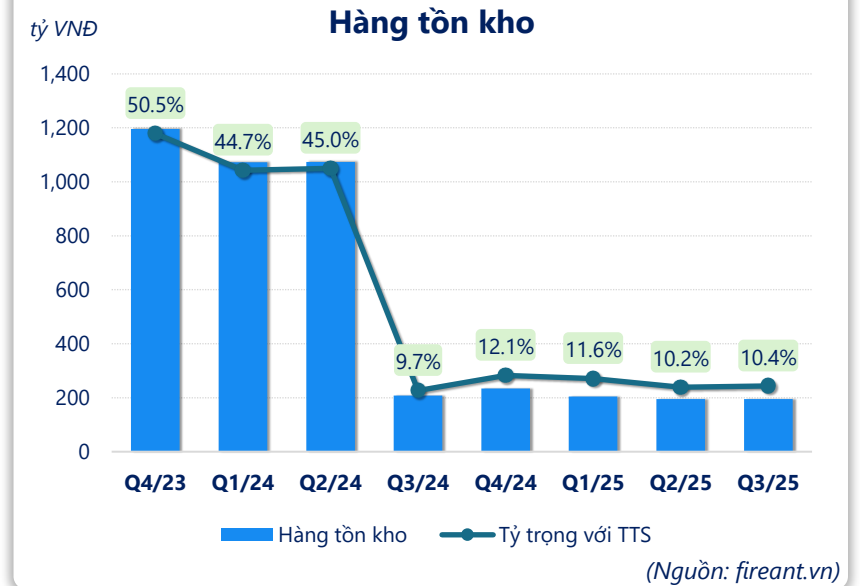
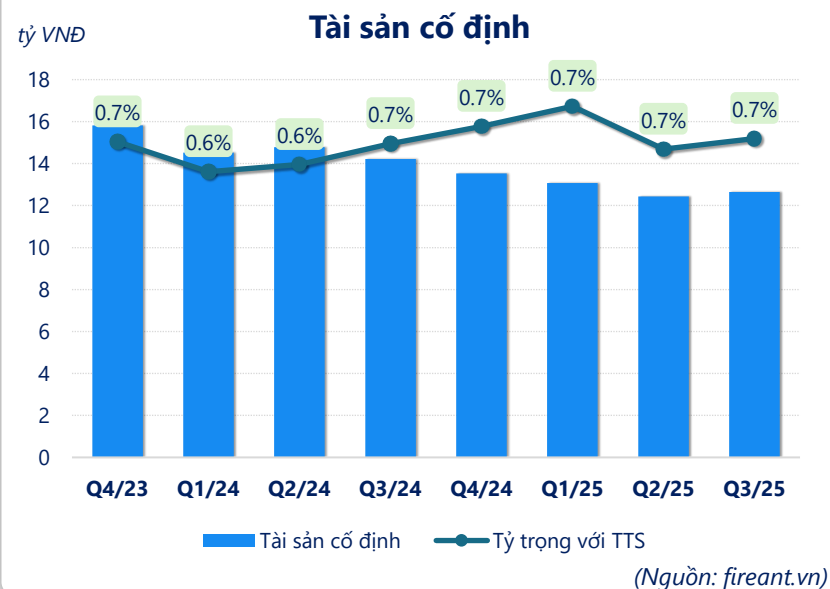
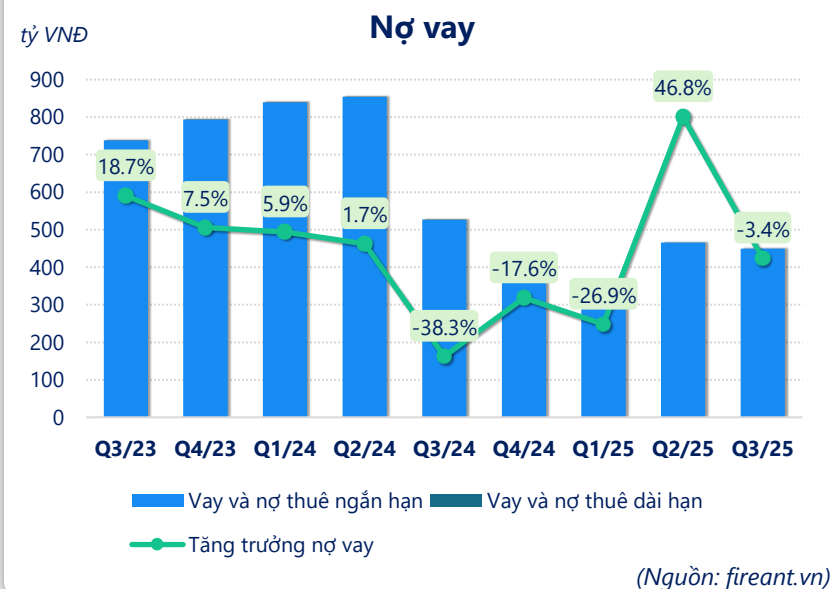
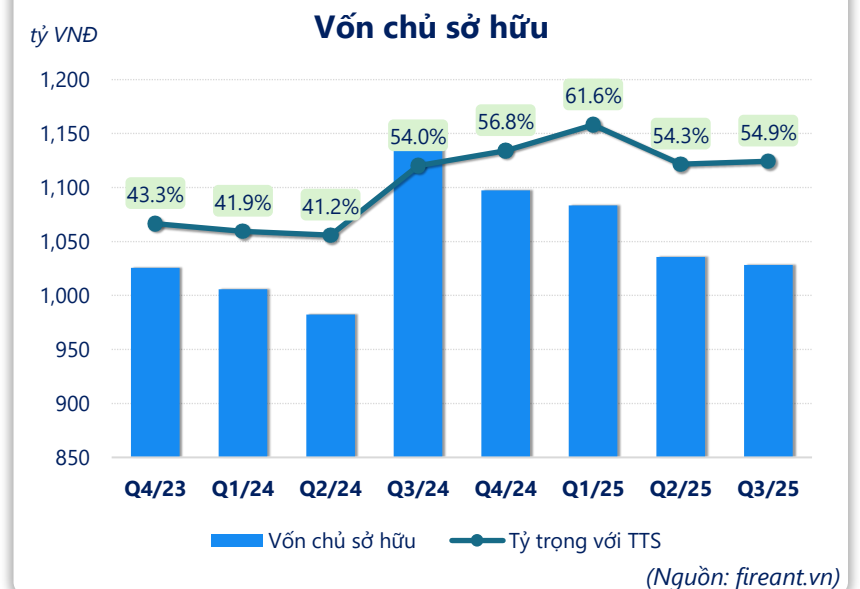
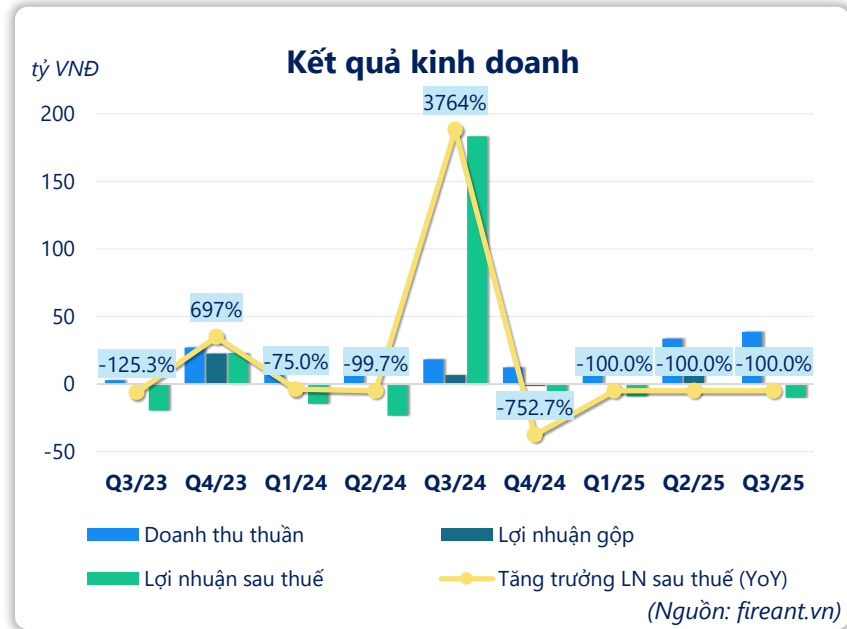
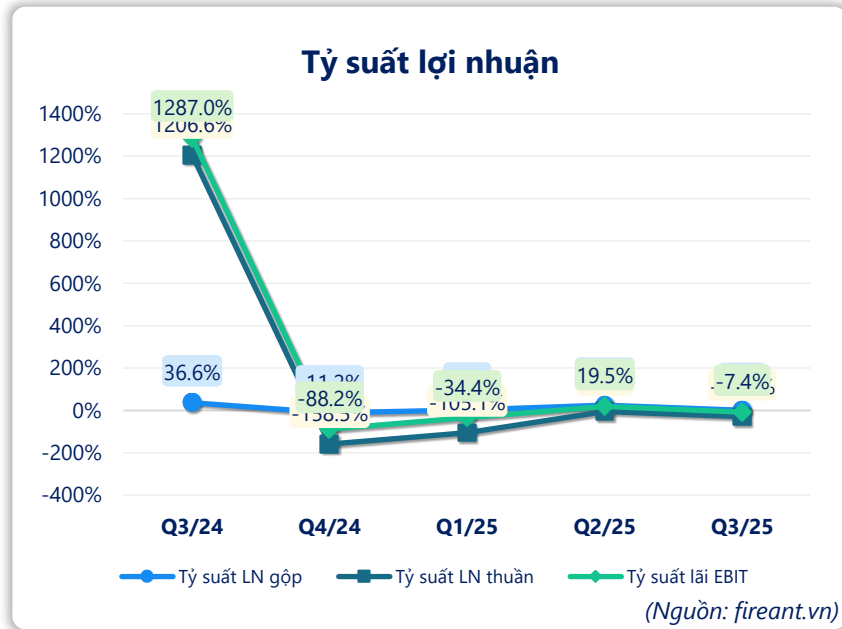
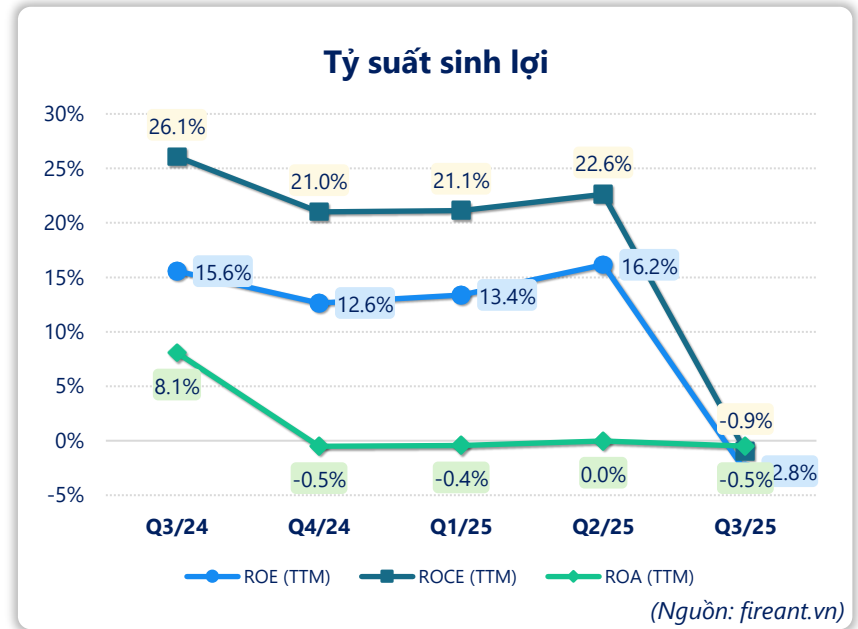
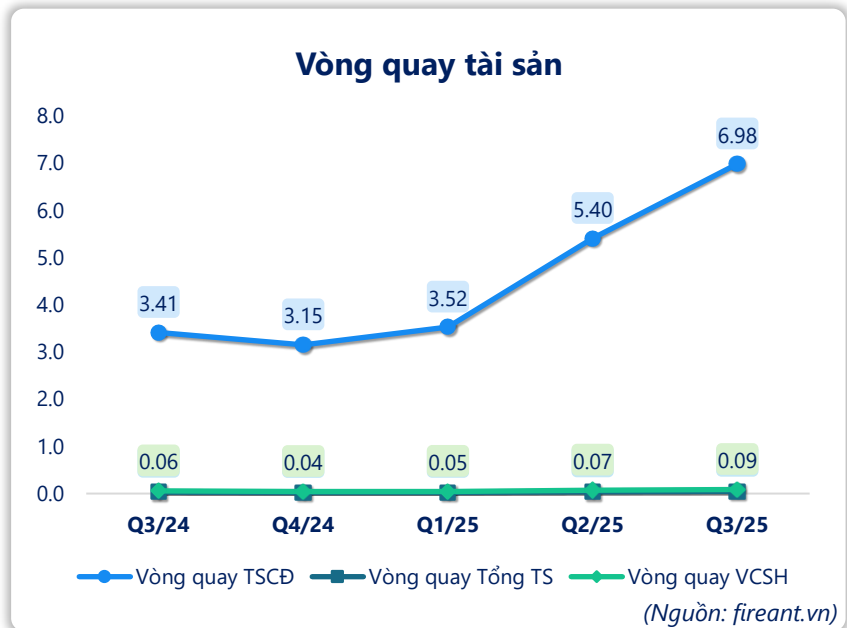
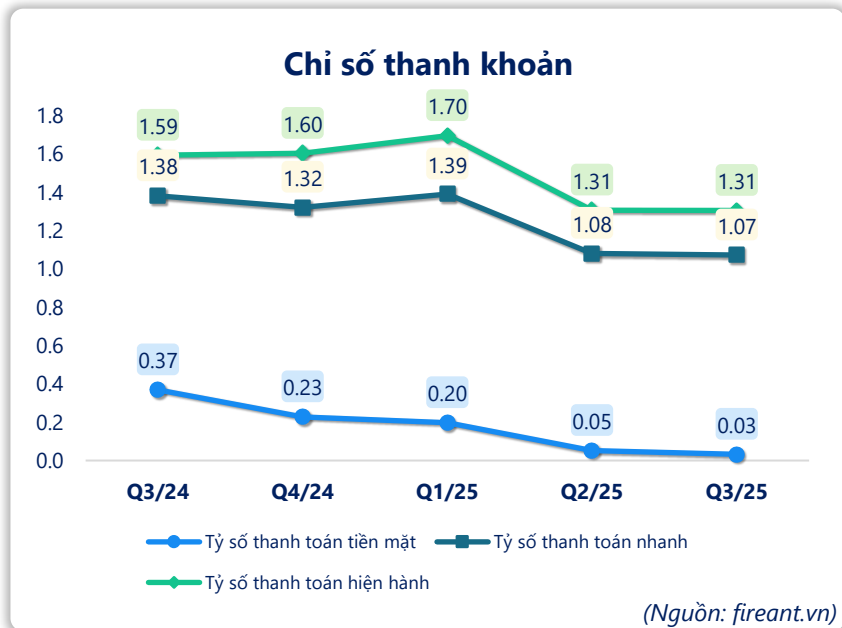
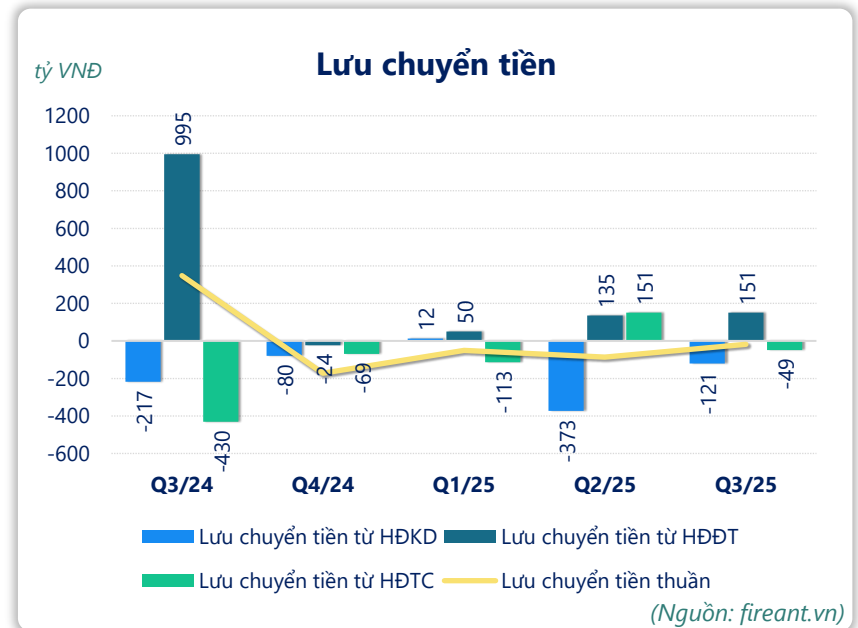


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,480
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,073
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,000
SL cổ phiếu LH		95,357,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		102,635
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		523
P/E		-17.1
EPS		-320

	YTD	1T	3T	6T
VPH	-21.7%	-6.2%	5.4%	-12.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,873	1,932	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	1,096	1,306	-16.1%
Tiền và tương đương tiền	27.2	183	-85.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.44	6.44	0.0%
Phải thu ngắn hạn	866	907	-4.6%
Hàng tồn kho	195	204	-4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.43	4.64	-69.2%
Tài sản dài hạn	777	626	24.2%
Phải thu dài hạn	387	230	68.4%
Tài sản cố định	12.7	13.5	-6.5%
Bất động sản đầu tư	9.14	9.46	-3.4%
Tài sản dở dang	156	153	2.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	136	133	2.0%
Tài sản dài hạn khác	40.3	41.2	-2.3%
Lợi thế thương mại	36.4	46.5	-21.5%
Nợ phải trả	845	839	0.7%
Nợ ngắn hạn	839	834	0.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	450	434	3.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.63	2.75	-4.2%
Nợ dài hạn	5.57	5.63	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,028	1,093	-5.9%
Vốn chủ sở hữu	1,028	1,093	-5.9%
Vốn điều lệ	954	954	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	18.4	12.3	9.16	33.7	38.6
Giá vốn hàng bán	11.7	13.7	8.93	25.0	38.2
Lợi nhuận gộp	6.72	-1.38	0.22	8.69	0.38
Doanh thu HĐTC	356	8.38	6.71	6.63	5.29
Chi phí TC	90.3	13.1	6.04	6.79	7.37
Chi phí lãi vay	14.3	8.61	6.04	6.79	7.37
LN trong công ty LKLD	-0.14	-0.26	-0.11	-0.11	-0.11
Chi phí bán hàng	40.2	0	0	0.13	0
Chi phí QLDN	10.2	13.1	10.4	9.98	9.25
LN thuần từ HĐKD	222	-19.5	-9.63	-1.69	-11.1
Lợi nhuận khác	0.46	0.03	0.43	1.49	0.86
LN trước thuế	222	-19.4	-9.20	-0.20	-10.2
Lợi nhuận sau thuế	183	-10.9	-9.20	-0.24	-10.2
LNST của CĐ cty mẹ	183	-10.9	-9.19	-0.23	-10.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-217	-79.8	12.2	-373	-121
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	995	-23.8	49.8	135	151
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-430	-68.6	-113	151	-48.9
Tiền đầu kỳ	14.2	362	183	132	45.1
Lưu chuyển tiền thuần	348	-172	-51.3	-87.1	-18.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	362	190	132	45.1	27.2

(Nguồn: fireant.vn)